

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-8-2020

Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐS-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Tuyết N, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 21/11, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 31/25 Ô3, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Tuyết N trình bày:

Chị Đặng Tuyết N và anh Nguyễn Đức N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 287 ngày 11/11/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nói chuyện, ứng xử. Anh N không quan tâm đến gia đình vợ con, ham chơi không chịu đi làm để lo cho vợ con. Hiện nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm lo lắng cho nhau mạnh ai nấy sống và xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 01/01/2018, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Đức N trình bày:

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, sống chung và con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là trong sinh hoạt hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm. Do bị bệnh nên anh Ngọc không đi làm được từ đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn và chị N làm đơn xin ly hôn. Từ tháng 11/2019, anh N về bên cha mẹ ruột ở, còn con chung do chị N chăm sóc từ đó cho đến nay và thừa nhận vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 01/01/2018, hiện nay cháu đang ở với chị N nên đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, những vắng mặt không có lý do; chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh N và giao cháu Nhã cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh N được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh N, chị N thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 11/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn và anh N cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim Nhã, sinh ngày 01/01/2018, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nhã đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Nhã đang ở với mẹ và chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Việc chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Tuyết N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Đức N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Đức N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim N--, sinh ngày 01/01/2018 cho chị Đặng Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Nguyễn Đức N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Tuyết N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003781 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Điền (số 287 ngày 11/11/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án....

Võ Hoàng Đức